TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HN1**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 25 - 6 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, TỈNH HN1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hà và ông Lưu Văn Ninh.

- Thư ký phiên toà: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: bà Lê Thị Luy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

- Võ Văn T - sinh năm 1995; nơi cư trú: TDP 2, TT Kb, huyện Kb, tỉnh GL; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Kh và bà Phan Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/6/2020, Công an Kb, huyện Kb, tỉnh GL ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo hiện nay đang thi hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* bà Phạm Thị Vân A - sinh năm 1978; nơi thường trú: Số 57THT, phường LĐH, quận HBT, thành phố HN; nơi ở hiện tại: Tòa P, khu ĐT C, 458MK, phường VT, quận HBT, thành phố HN; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Phạm Ngọc Tú A - sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 57THT, phường LĐH, quận HBT, thành phố HN; vắng mặt.

2. Anh Trần Đức G - sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn BT, xã Đc, huyện GB, tỉnh BN; vắng mặt.

3. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải T Th; địa chỉ: thôn XB, xã QT, huyện SS, thành phố HN; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh T1 - chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Tạ Văn V1- chức vụ: Phó Giám đốc; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Nghĩa H; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thế A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/4/2022, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải T Th (sau đây viết tắt là Công ty T Th) ký hợp đồng lao động và giao xe ô tô BKS 29H-814.52 cho anh Trần Đức G quản lý, sử dụng và phải chịu trách nhiệm xử lý, giải quyết khi xảy ra tai nạn.

Ngày 19/7/2023, anh Trần Đức G điều khiển xe ô tô BKS 29H-814.52 chở hàng đi từ tỉnh Quảng Nam để đến tỉnh Bắc G. Cùng đi với anh G trên xe ô tô có Võ Văn T; T có Giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định cấp ngày 04/10/2018, giá trị sử dụng đến ngày 04/10/2023. Sáng ngày 20/7/2023, khi đến địa phận huyện GV, tỉnh NB, anh G đã nhờ T điều khiển xe ô tô trên, đi theo Quốc lộ 1A (QL1A) để đến tỉnh Bắc G.

Khoảng 09 giờ 14 phút ngày 20/7/2023, khi T điều khiển xe ô tô đi đến Km 239+200 thuộc địa phận thôn B, xã TP, huyện TL, tỉnh HN1với tốc độ 56km/h ở làn đường sát dải phân cách cứng giữa đường. Do không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn tại khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm (biển số W.207a cảnh báo giao nhau với đường không ưu tiên hai bên), dẫn đến ba đờ sốc trước, biển số xe ô tô do T điều khiển đã xô vào cánh cửa sau bên phải, chắn bùn trước bánh sau bên phải, tai xe phía sau bên phải xe ô tô BKS 30H-658.00 do bà Phạm Thị Vân A điều khiển (trên xe có bà Trần Thị Nghĩa H và anh Nguyễn Thế A) đi ở chiều đường PL-NB, đang chuyển hướng rẽ trái tại khoảng mở dải phân cách cứng cố định giữa QL1A sang chiều đường NB-PLđể vào đường đi thị trấn Tân Th, huyện TL. Hậu quả: xe ô tô BKS 29H-814.52 và xe ô tô BKS 30H-658.00 bị hư hỏng.

Sau khi nhận được tin báo, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh HN1 đã phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện có liên quan; trích xuất, sao lưu hình ảnh từ camera an ninh của Công an xã TP trong 01 USB, niêm phong ký hiệu M1.

* Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô BKS 29H-814.52 kèm theo 01 Giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Phúc Yên; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Võ Văn T; 01 xe ô tô BKS 30H-658.00 kèm theo 01 Giấy biên nhận

thế chấp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Nam; 01 Giấy phép lái xe hạng B1 mang tên Phạm Thị Vân A.

* Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở đối với Võ Văn T và bà Phạm Thị Vân A ngày 20/7/2023 là 0.000mg/L.

* Kết quả xét nghiệm nước tiểu đối với Võ Văn T và bà Phạm Thị Vân A ngày 20/7/2023 xác định âm tính với các chất gây nghiện tổng hợp.

Ngày 02/8/2023, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh HN1 chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu ban đầu, tài sản, giấy tờ đã thu giữ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện TL để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/10/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL ra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TL xác định giá trị thiệt hại đối với hư hỏng của xe ô tô BKS 29H-814.52 và xe ô tô BKS 30H-658.00 do tai nạn giao thông tại thời điểm ngày 20/7/2023.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TL kết luận:

"... xác định tổn thất của xe ô tô con nhãn hiệu Porsche BKS 30H-658.00 tại thời điểm ngày 20/7/2023 là 166.266.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn).

... giá trị thiệt hại của 01 (một) xe ô tô BKS 29H-814.52 bị hư hỏng tại thời điểm ngày 20/7/2023 là 6.083.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng)".

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô nhãn hiệu Porsche, BKS 30H-658.00: trong giai đoạn điều tra, bà Phạm Thị Vân A yêu cầu Võ Văn T phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Vân A yêu cầu T bồi thường cho bà số tiền 166.266.000 đồng theo như kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện TL. Tuy nhiên, nếu đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm bị cáo bồi thường cho bà luôn được số tiền 70.000.000 đồng thì bà đồng ý mức bồi thường trên. Đến nay, các bên có liên quan chưa thống nhất được việc bồi thường.

- Đối với hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô BKS 29H-814.52:

Người đại diện hợp pháp của Công ty T Th có quan điểm: nếu lỗi thuộc về lái xe Võ Văn T thì công ty không yêu cầu T phải bồi thường, mà công ty sẽ tự khắc phục, sửa chữa. Nếu lỗi thuộc về lái xe ô tô BKS 30H-658.00 thì lái xe ô tô BKS 30H-658.00 phải đền bù, khắc phục sửa chữa hư hỏng và các chi phí khác liên quan cho công ty.

Anh Trần Đức G có quan điểm: đối với hư hỏng của xe ô tô BKS 29H-814.52 do anh quản lý, sử dụng tại thời điểm tai nạn xảy ra thì anh sẽ có trách nhiệm khắc phục khi công ty yêu cầu, anh không yêu cầu Võ Văn T phải khắc phục, bồi thường hư hỏng xe ô tô này.

* Về xử lý vật chứng: trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại xe ô tô BKS 29H-814.52 kèm theo giấy tờ liên quan cho Công ty T Th; trả lại xe ô tô BKS 30H-658.00 cho chị Phạm Ngọc Tú A.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-TA ngày 04/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Võ Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự - xử phạt Võ Văn T từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước; hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 260, Điều 41 của Bộ luật Hình sự - cấm bị cáo Võ Văn T hành nghề lái xe ô tô từ 12 đến 15 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự - trả lại cho Võ Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng C, trả lại cho bà Phạm Thị Vân A 01 Giấy phép lái xe hạng B1; lưu trong hồ sơ vụ án 01 USB niêm phong ký hiệu M1. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589, 601 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao - buộc anh Trần Đức G phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe ô tô BKS 30H-658.00 cho bà Phạm Thị Vân A số tiền là 166.266.000 đồng.

- Bị cáo Võ Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đề nghị anh Trần Đức G phải bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe ô tô BKS 30H-658.00 cho bà Phạm Thị Vân A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định

tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Võ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám phương tiện liên quan, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: sáng ngày 20/7/2023, Võ Văn T có Giấy phép lái xe ô tô hạng C theo quy định, điều khiển xe ô tô BKS 29H-814.52 đi trên QL1A theo hướng Ninh Bình - Phủ Lý. Khoảng 09 giờ 14 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi đến Km 239+200 QL1A thuộc địa phận thôn B, xã TP, huyện TL, tỉnh HN1với tốc độ 56km/h ở làn đường sát dải phân cách cứng giữa đường. Do không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn tại khu vực có biển cảnh báo nguy hiểm (biển W.207a - giao nhau với đường không ưu tiên hai bên), dẫn đến xe ô tô do T điều khiển xô vào cánh cửa sau bên phải, chắn bùn trước bánh sau bên phải, tai xe phía sau bên phải xe ô tô BKS 30H-658.00 do bà Phạm Thị Vân A điều khiển, đi chiều đường PL-NB đang chuyển hướng rẽ trái tại khoảng mở dải phân cách cứng giữa đường sang chiều đường NB-PLđể vào đường đi thị trấn Tân Th, huyện TL, làm xe ô tô BKS 30H-658.00 bị hư hỏng, thiệt hại trị giá 166.266.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Võ Văn T đã vi phạm Điều 12 của Luật Giao thông đường bộ, vi phạm khoản 1 và khoản 11 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải, quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tài sản cho người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm hại đến tài sản của người khác. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử kết luận: hành vi của Võ Văn T đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với Võ Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Võ Văn T tham gia

giao thông mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại về tài sản cho người khác; nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong một thời gian nhất định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô BKS 30H-658.00: bị hại là bà Phạm Thị Vân A yêu cầu bị cáo Võ Văn T bồi thường cho bà số tiền 166.266.000 đồng theo như kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện TL. Xét thấy, bà Vân A yêu cầu bồi thường số tiền 166.266.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với thiệt hại thực tế, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: trong Hợp đồng lao động và Biên bản bàn giao tài sản, công cụ giữa Công ty T Th với anh Trần Đức G, hai bên đã thỏa thuận nếu xảy ra tai nạn giao thông trên đường thì lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mặt khác, trong vụ việc này, anh Trần Đức G là người được chủ sở hữu (Công ty T Th) nguồn nguy hiểm cao độ (xe ô tô BKS 29H-814.52) giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật; anh G là người đang nắm giữ, chi phối trực tiếp tài sản là xe ô tô BKS 29H-814.52. Vì vậy, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì anh G phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Vân A.

- Đối với hư hỏng, thiệt hại của xe ô tô BKS 29H-814.52: Công ty T Th không yêu cầu Võ Văn T bồi thường nếu lỗi thuộc về T. Trong vụ án này, lỗi thuộc về Võ Văn T, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trường hợp các bên có tranh chấp về vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: xe ô tô BKS 29H-814.52 kèm theo giấy tờ liên quan là tài sản hợp pháp của Công ty T Th, xe ô tô BKS 30H-658.00 và giấy tờ liên quan là tài sản hợp pháp của chị Phạm Ngọc Tú A; Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật.

- Đối với Giấy phép lái xe hạng B1 mang tên Phạm Thị Vân A: đây là giấy tờ hợp pháp của bà Vân A, nên cần trả lại cho bà Vân A.

- Đối với Giấy phép lái xe hạng C mang tên Võ Văn T, đã hết hạn sử dụng: đây là giấy tờ hợp pháp của T, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 USB niêm phong ký hiệu M1 lưu hình ảnh có liên quan đến vụ án: đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo; nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Các vấn đề khác:

- Ngày 20/7/2023, anh Trần Đức G giao xe ô tô BKS 29H-814.52 cho Võ

Văn T điều khiển, dẫn đến vụ tai nạn giao thông: bản thân T có Giấy phép lái xe hạng C theo quy định, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không xem xét, xử lý đối với anh G là đúng pháp luật.

- Quá trình điều tra xác định chị Phạm Ngọc Tú A không biết Giấy phép lái xe của bà Phạm Thị Vân A đã hết hạn sử dụng, nên đã giao xe ô tô BKS 30H-658.00 cho bà Vân A, xe ô tô không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Công an huyện TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Tú A là đúng pháp luật.

- Ngày 20/7/2023, bà Phạm Thị Vân A điều khiển xe ô tô BKS 30H-658.00 khi Giấy phép lái xe hạng B1 của bà đã hết hạn sử dụng và không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô; Công an huyện TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Vân A là đúng pháp luật.

- Ngày 20/7/2023, Võ Văn T điều khiển xe ô tô BKS 29H-814.52 chở hàng vượt quá 24,4% khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; Công an huyện TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: bị cáo Võ Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, anh Trần Đức G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào điểm d khoản 1, khoản 5 Điều 260, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 41 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 và 601 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Võ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Xử phạt bị cáo Võ Văn T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: cấm bị cáo Võ Văn T hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc anh Trần Đức G phải bồi thường cho bà Phạm Thị Vân A số tiền 166.266.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Xử lý vật chứng: trả lại cho Võ Văn T 01 Giấy phép lái xe hạng C, trả lại cho bà Phạm Thị Vân A 01 Giấy phép lái xe hạng B1; lưu trong hồ sơ vụ án 01 USB, niêm phong ký hiệu M1.

4. Về án phí: bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn

đồng) án phí hình sự sơ thẩm; anh Trần Đức G phải nộp 8.313.300 đồng, làm tròn là 8.313.000 đồng (tám triệu ba trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh HN1;
- VKSND tỉnh HN1;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Sở Tư pháp tỉnh HN1;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh